

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 10-12-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thế Sự

Bà Hoàng Thị Thu Trang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Vũ Đức Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ1, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1994; nơi ĐKKHTT: Tổ dân phố Đ1, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Xóm 1, xã N, thị xã T, tỉnh Ng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 06-10-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Đức Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Quỳnh H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường V (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại tổ dân phố Đ1, phường V (nay là phường H). Thời gian đầu anh và chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đã có 01 con

chung. Từ khoảng đầu năm 2019, giữa anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau, coi thường nhau do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không có sự chia sẻ với nhau trong công việc, cuộc sống, vợ chồng không thống nhất trong chỉ tiêu sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái, anh đã khuyên chị H nhiều lần nhưng chị H không thay đổi phong cách sống dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ khoảng tháng 4-2019 đến nay, anh và chị H đã sống ly thân nhau, tuy cùng sống chung một nhà nhưng không ai còn quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Đến nay, anh thấy không còn tình cảm với chị H nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 22-8-2018. Anh nhận nuôi cháu T; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 14-10-2021, bị đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường V (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng. Sau năm đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, chị và anh Đ đã có 01 con chung với nhau. Sau khi chị sinh con được một thời gian ngắn, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích cãi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng thiếu niềm tin vào nhau về kinh tế, giữa chị và anh Đ có lối sống khác nhau, không có sự chia sẻ với nhau trong công việc và cuộc sống dẫn đến cuộc sống chung không còn phù hợp. Chị và anh Đ đã cố gắng chung sống hòa thuận vì con cái nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không ai còn quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, vợ chồng chung sống với nhau không còn có ý nghĩa. Từ khoảng tháng 4-2019 đến nay, tuy cùng sống chung một nhà nhưng chị và anh Đ đã sống ly thân nhau, không còn có quan hệ gì về tình cảm. Hai bên gia đình đã tác động, khuyên giải nhưng tình cảm hai bên không hàn gắn được. Nay anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 22-8-2018. Hiện nay, chị chưa có công việc, chỗ ở ổn định nên chị đồng ý để anh Đ nuôi cháu T, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị sẽ tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện:* Sau khi kết hôn, anh Đ và chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau và xúc phạm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 4-2019 đến nay, anh Đ và chị H sống ly thân,

không còn quan tâm đến cuộc sống chung, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Trong thời gian chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, cháu T ở cùng anh Đ, được chăm sóc chu đáo, cuộc sống ổn định. Hiện nay, anh Đ là nhân viên Bảo vệ tại Bảo hiểm xã hội quận Đồ Sơn, có thu nhập và chỗ ở ổn định đủ điều kiện để nuôi con.

Anh Đ và chị H đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Chị H vắng mặt tại phiên họp nên Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho chị H theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị H; giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là chị Nguyễn Thị Quỳnh H; cư trú tại: Tổ dân phố Đại Đồng, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Đắc Đ và bị đơn là chị H vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị H.

Về hôn nhân:

[3] Anh Đ và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V (nay là phường H), quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 15-11-2017. Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Anh Đ và chị H kết hôn từ năm 2017. Anh, chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Đ và chị H thiếu niềm tin vào nhau, không tin tưởng nhau về kinh tế; không có sự hòa hợp về tính cách và lối sống. Bản thân anh, chị đã tự tìm cách khắc phục, giải quyết mâu thuẫn để chung sống hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái; hai bên gia đình cũng đã tích cực tác động, khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị H vẫn không thể cải thiện được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ khoảng tháng 4-2019 đến nay, anh Đ và chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, bỏ mặc nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Đến nay, anh Đ và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị H đều không có nguyện vọng hòa giải để hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ. Xét thấy, anh Đ và chị H đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Đ và chị H có 01 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 22-8-2018. Hiện nay, cháu T chung sống ổn định cùng anh Đ, được anh Đ và gia đình anh Đ chăm sóc chu đáo; anh Đ có nơi cư trú và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con; việc giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi của cháu T; chị H cũng đồng ý để anh Đ nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của anh Đ, giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ và chị H tự thỏa thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị H không có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Vũ Đắc Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Quỳnh H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Vũ Minh T, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2018 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Anh Đ và chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi anh Đ và chị H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002555 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đ và chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường H, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Trường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thế Sự      Hoàng Thị Thu Trang**

**Phạm Hữu Trường**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Trường**



